|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN NAM TRÀ MY |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
|  **TRƯỜNG PTDT BT TH&THCS LONG TÚC** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 01/ĐA-VTVL | *Trà Nam, ngày 16 tháng 1 năm 2021* |

**ĐỀ ÁN**

**VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH**

**NGHỀ NGHIỆP**

**Phần I**

**SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ**

 **I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

 1. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

- Tên: Trường PTDTBT TH&THCS Long Túc.

     - Địa chỉ: Thôn 4, xã Trà Nam, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam

     - Ngày thành lập: ngày 27  tháng  7  năm 2015 theo Quyết định số 1414/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My.

 1.1. Nội dung hoạt động của đơn vị:

Trường PTDTBT TH&THCS Long Túc hoạt động đúng theo Luật giáo dục năm 2019 và Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 thán 9 năm 2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học.

     Xây dựng kế hoạch chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện phát triển kinh tế địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống nhà trường.

     Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ GD-ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

     Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ GDĐT. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vị được phân công.

     Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục; quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định pháp luật.

     Thực hiện các hoạt động về đảm bảo chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm tra chất lượng giáo dục; thực hiện công khai về cam kết chất lượng và thu, chi tài chính theo đúng quy định.

     Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình trong quản lý các hoạt động giáo dục, việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định.

 1.2. Đối tượng, phạm vi, tính chất hoạt động của đơn vị:

Trường PTDT BT TH&THCS Long Túc là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân và là trường chuyên biệt. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Trường PTDTBT TH&THCS Long Túc là đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức giảng dạy và học tập, giúp UBND huyện thực hiện quản lý Nhà nước về giáo dục ở địa phương theo quy định trong các văn bản của Nhà nước, của ngành; đồng thời trường chịu sự quản lý của Phòng GD-ĐT huyện về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của luật giáo dục và Điều lệ trường phổ thông của Bộ GD-ĐT. Trường là cơ sở giáo dục tham mưu trực tiếp với Phòng GD-ĐT huyện, UBND Nam Trà My về xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục ngắn hạn, trung hạn, dài hạn cũng như là công tác nâng cao chất lượng dạy và học của địa phương.

1.3. Cơ chế hoạt động của đơn vị:

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và tiến đến chuẩn kiểm định chất lượng; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

 Thành lập các Tổ chuyên môn, Tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động (ngắn hạn); tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

 Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, ký xác nhận hoàn thành chương trình TH, THCS cho học sinh (nếu có và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

 Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường.

 2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

 2.1 . Về quy mô trường lớp năm học 2021 -2022

Tổng số lớp: 15 lớp; Tổng số học sinh: 382/199 nữ; Số HS bán trú: 232/117 nữ. Học sinh khuyết tât: 5/1 nữ.

-.Cấp Tiểu học: Tổng số lớp: 11 lớp. (Đơn: 08 lớp; Ghép 2 TĐ: 3 lớp). TSHS: 243/123 nữ. Trong đó: Khối 1: 03 lớp: 52/22 em; Khối 2: 02 lớp: 50/24 em; Khối 3: 02 lớp: 43/24 em; Khối 4: 02 lớp: 48/26 em; Khối 5: 02 lớp: 50/27 em. Tổng số HSBT: 120 em. Học sinh khuyết tât: 5/1 nữ.

- Cấp THCS: Tổng số lớp 4 lớp :Tổng số học sinh: 139/76 nữ. Trong đó: Khối 6: 01 lớp: 37/20 nữ.; Khối 7: 01 lớp: 42/16 nữ; Khối 8: 01 lớp: 33/22 nữ; Khối 9: 01 lớp: 27/18 nữ. Số HSBT: 112 em*.*

2.2. Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

    Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên : 29. Trong đó, chia ra:

    - Cán bộ quản lý: 02 người (01 hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng)

    - Giáo viên: 24 người (có 01 giáo viên Tổng phụ trách Đội).

    - Nhân viên: 03 người, 01 nhân viên kế toán, 01 hợp đồng văn thư, 01 hợp đồng bảo vệ.

 2.3. Diện tích đất, khuôn viên nhà trường 6500 m2, trường có 13 phòng học, 06 phòng làm việc, 01 phòng bộ môn Tin.Trường chưa có khu hiệu bộ, còn thiếu một số phòng chức năng khác như: phòng học bộ môn, phòng Đoàn thể, phòng  truyền thống Đội...

    - Có  02 khu vệ sinh riêng dành cho giáo viên và học sinh.

 - Có 10 phòng ở cho học sinh bán trú, có nhà bếp, nhà ăn học sinh.

      - Khu vực sân chơi, bãi tập thể dục, khu học tập cho học sinh có diện tích hoảng 1200m2; sân chơi bằng phẳng, an toàn, có cây xanh tạo bóng mát, thông thoáng cho học sinh vui chơi, giải lao trong giờ ra chơi.

   - Hàng rào bán kiên cố được bao quanh khu vực nhà trường.

    Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sắc của UBND huyện, Phòng GD-ĐT và Ủy ban nhân dân xã Trà Nam, Trường PTDTBT TH&THCS Long Túc được trang bị các trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng cho công tác quản lý, giảng dạy của đơn vị. Sự hỗ trợ của các ban ngành đoàn thể địa phương, Ban đại diện cha mẹ học,các mạnh thường quân và luôn đồng hành cùng nhà trường thực hiện tốt công tác giáo dục của đơn vị.

 **II. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

 1. Văn bản pháp lý về việc thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập.

 Quyết định số 1414/ QĐ - UBND ngày 27 tháng 7 năm 2015 của UBND huyện Nam Trà My về việc thành lập trường PTDTBT TH&THCS Long Túc;

Luật giáo dục được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số: 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 ban hành;

Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học;

Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT, ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;

 Thông tư số 30/2015/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ GD-ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Phổ thông dân tộc bán trú ban hành kèm Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông kèm theo Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;

Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông kèm theo Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

 2. Các văn bản pháp lý về việc điều chỉnh, tăng, giảm chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập.

 Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ GDĐT-BNV về hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

  Thông tư số 16/2017/TT-BDĐT ngày 12/7/2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Công văn số 1193/UBND-NV ngày 29 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Nam Trà My về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp thuộc huyện;

 3. Văn bản quy định về: danh mục vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, cơ cấu viên chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.

Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Thông tư số 14/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn công chức ngành văn thư.

Thông tư số 09/2010/TT-BNV ngày 11 tháng 9 năm 2010 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

Thông tư số 02/2015/TTLT - BVHTTDL - BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ văn hóa Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

Thông tư số 10/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ.

Nghị định số: 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí làm việc và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lâp.

Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GDĐT về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập.

Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GDĐT về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập.

**Phần II**

**THỰC TRẠNG CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, CƠ CẤU TỔ CHỨC,**

**BIÊN CHẾ, PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC CỦA ĐƠN VỊ**

**I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC**

**1. Vị trí.**

Trường PTDTBT TH&THCS Long Túc là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân và là trường chuyên biệt. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

**2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan tham mưu trực tiếp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND xã Trà Nam, về xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục ngắn hạn, trung hạn, dài hạn cũng như là công tác nâng cao chất lượng dạy và học của địa phương.

**3. Cơ chế hoạt động của đơn vị.**

 Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và tiến đến chuẩn kiểm định chất lượng; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

 Thành lập các Tổ chuyên môn, Tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động (ngắn hạn); tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

 Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, ký xác nhận hoàn thành chương trình TH, THCS cho học sinh (nếu có và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

 Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường.

**4. Cơ cấu tổ chức của đơn vị.**

4.1. Cơ cấu tổ chức của đơn vị:

- Cán bộ quản lý, lãnh đạo, điều hành: 02 đ/c trong đó có 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng;

- Hoạt động nghề nghiệp: có 24 giáo viên, trong đó có 01 Tổng phụ trách đội và 23 giáo viên giảng dạy;

- Hỗ trợ hoạt động: Có 03 nhân viên, trong đó 01 Kế toán, 01 Văn thư, 01 bảo vệ;

- Có 04 Tổ Chuyên môn gồm:

+ Tổ chuyên môn Khoa học Tự nhiên gồm 04 thành viên trong đó 01 Tổ trưởng và 01 Tổ phó;

+ Tổ chuyên môn Khoa học Xã hội gồm 06 thành viên trong đó 01 Tổ trưởng và 01Tổ phó;

+ Tổ chuyên môn số số 1 gồm 06 thành viên trong đó 01 Tổ trưởng và 01 Tổ phó;

+ Tổ chuyên môn số số 2 gồm 08 thành viên trong đó 01 Tổ trưởng và 01 Tổ phó;

- Có Tổ Văn phòng gồm 03 thành viên.

- Ngoài ra còn có tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;

4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức cấu thành đơn vị:

- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp TH, THCS do Bộ trư­ởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Huy động, quản lý, sử dụng các- nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

- Thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**II. THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP**

***1. Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý***:

- Công việc cấp trưởng đơn vị: 4 công việc;

- Công việc cấp phó đơn vị: 4 công việc;

- Công việc cấp trưởng các phòng, ban và các tổ chức cấu thành khác: 3 công việc;

- Công việc cấp phó các phòng, ban và các tổ chức cấu thành khác: 3 công việc.

***2. Nhóm công việc chức danh nghề nghiệp chuyên ngành:*** 7 công việc;

1. ***Nhóm công việc theo chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung:***  3 công việc;

***4. Nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ:*** 2 công việc.

**III. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ**

1. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc xác định vị trí việc làm trong đơn vị

a. Thuận lợi

- Quy mô trường lớp: 15 lớp với 384 học sinh trong đó có 234 học sinh bán trú (60,9%).

- Hạng trường: Trường chuyên biệt.

- Đội ngũ: Có 29 CB,GV,NV trong đó

+ Cán bộ quản lý: 02, trong đó có 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng.

+ Giáo viên: 24 đ/c trong đó 23 giáo viên giảng dạy và 01 giáo viên TPTĐ.

+ Nhân viên: 03 đ/c trong đó 01 hợp đồng Kế toán, 01 hợp đòng Văn thư, 01 hợp đồng bảo vệ.

          - Cơ sở vật chất: Có phòng học, nhà ở học sinh và giáo viên; nhà bếp, nhà ăn của học sinh; bàn ghế;….Các thiết bị, máy tính, đồ dùng dạy học.

  - Đội ngũ CBGV trẻ, khỏe, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học, có đầy đủ trình độ chuyên môn để giảng dạy cho học sinh bậc TH và THCS.

- Phụ huynh cũng đã có sự quan hơn đến công tác giáo dục.

b. Khó khăn

 - Ý thức tự học của học sinh chưa cao, nhận thức của một bộ phận nhân dân, cha mẹ học sinh về công tác giáo dục còn hạn chế, coi công tác giáo dục của nhà trường, hầu như giao phó cho nhà trường.

 - Một số vị trí công việc: Văn Thư, Thư viện, Thiết bị bộ môn, thực hành, Y tế trường học, bảo vệ chưa có nhân viên chuyên trách được đào tạo chính quy nên khó khăn cho nhà trường khi thực hiện nhiệm vụ.

 - Đội ngũ giáo viên đa số trẻ còn ít kinh nghiệm. Đội ngũ giáo viên thường xuyên luân chuyển thay đổi, khó khăn trong việc bố trí công tác và quy hoạch mạng lưới trường lớp và kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục.

 - Cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Kinh phí hoạt động ít, khó khăn cho việc thực hiện nhiều và phong phú các hoạt động.

2. Các yếu tố ảnh hưởng được thể hiện theo **Phụ lục II** đính kèm.

**IV. THỐNG KÊ THỰC TRẠNG, ĐÁNH GIÁ ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC CỦA ĐƠN VỊ**

1. Thống kê thực trạng về số lượng và chất lượng đội ngũ viên chức (kể cả những người hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật) tại thời điểm xây dựng Đề án vị trí việc làm, gồm các nội dung:

a) Tổng số viên chức và hợp đồng hiện có: 34 người; trong đó:

*- Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo:*

+ Tiến sỹ: Số lượng: 0 Tỷ lệ: 0 %

+ Thạc sỹ: Số lượng: 01 Tỷ lệ: 3,7 %

+ Cử nhân/Kỹ sư: Số lượng: 22 Tỷ lệ: 75,9 %

+ Cao đẳng: Số lượng: 02 Tỷ lệ: 6,8%

+ Trung cấp: Số lượng: 02 Tỷ lệ: 6,8 %

+ Chưa qua đào tạo: Số lượng: 02 Tỷ lệ: 6,8%

*- Về trình độ lý luận chính trị:*

+ Cao cấp, cử nhân: Số lượng: 0 Tỷ lệ: 0 %

+ Trung cấp: Số lượng: 04 Tỷ lệ: 13,6 %

+ Sơ cấp: Số lượng: 01 Tỷ lệ: 3,7 %

+ Chưa qua đào tạo: Số lượng: 24 Tỷ lệ: 82,7 %

b) Về cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp:

- Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Số lượng: 0 Tỷ lệ: 0 %;

- Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Số lượng 10 Tỷ lệ: 34,5%;

- Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: Số lượng: 06 Tỷ lệ: 20,6 %;

- Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương:Số lượng: 09 Tỷ lệ: 31,0 %;

- Chức danh nghề nghiệp hạng V và tương đương: 0 Số lượng: 0 Tỷ lệ: 0 %;

- Chức danh nghề nghiệp hạng khác: Số lượng: 04 Tỷ lệ: 13,8%;

Các tiêu chí khác:

- Ngoại ngữ: Chứng chỉ tiếng Anh C: 03; Chứng chỉ B1: 03; Chứng chỉ B: 18

- Tin học : Chứng chỉ B: 21 người

- Giới tính: 17 nam, 12 nữ.

- Tuổi đời: Trên 50 tuổi: 02 người *(nam: 01 người, nữ: 01 người)*; từ 40 đến 50 tuổi: 04 người (nam: 04 người, nữ: 0 người); từ 30 đến 40: 14 người *(nam: 5 người, nữ: 9 người)*; dưới 30 tuổi : 9 người *(nam 6 người, nữ: 3 người)* .

- Thâm niên công tác: Trên 20 năm: 04 người; từ 10-20 năm: 05 người; từ : 1-10 năm: 20 người.

2. Thống kê thực trạng giao và sử dụng biên chế (số lượng người làm việc):

a) Số chỉ tiêu biên chế (số lượng người làm việc) được giao năm 2021: 33 biên chế.

b) Số biên chế (số lượng người làm việc) thực tế sử dụng:

- Viên chức: 24 người; hợp đồng chuyên môn : 4 lao động; hợp đồng theo NĐ 68 và 161: 0 lao động; hợp đồng khác: 01 lao động.

3. Việc thống kê thực trạng đội ngũ viên chức trong đơn vị tổng hợp tại **Phụ lục III** đính kèm.

**V. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

- Về biên chế được giao và sử dụng: Số lượng cán bộ, giáo viên đảm bảo, đối với nhân viên chưa đảm bảo số lượng công việc như: Nhân viên Thư viện, nhân viên thiết bị, nhân viên Văn thư, Nhân viên Y tế và nhân viên Bảo vệ.

- Việc đáp ứng và sự phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động: Đáp ứng và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

- Việc bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động: bố trí, sử dụng công việc hợp lý

**Phần III**

**ĐỀ XUẦT VỀ VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC**

**VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

 **I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

 1. Xác định danh mục vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập theo thứ tự sau:

 a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.

 -.Vị trí cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập: Vị trí Hiệu trưởng nhà trường

 - Vị trí cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập: Vị trí Phó hiệu trưởng nhà trường

 - Vị trí cấp trưởng tổ chức cấu thành đơn vị: Tổ trưởng chuyên môn.

 - Vị trí cấp phó tổ chức cấu thành đơn vị: Tổ phó chuyên môn.

 b) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành

 - Vị trí  dạy môn Ngữ văn

 - Vị trí  dạy môn Lịch sử

 - Vị trí  dạy môn  Địa lý

 - Vị trí  dạy môn  Anh văn

 - Vị trí  dạy môn  giáo dục công dân

 - Vị trí  dạy môn  Toán

 - Vị trí  dạy môn  Vật lý

 - Vị trí  dạy môn Hóa học

 - Vị trí  dạy môn Sinh

 - Vị trí  dạy môn  công nghệ

 - Vị trí  dạy môn Mỹ thuật

 - Vị trí  dạy môn Âm nhạc

 - Vị trí  dạy môn Thể dục thể thao

 - Vị trí  dạy môn  Tin học

 - Vị trí  tổng phụ trách Đội

 - Vị trí dạy tiểu học

 c) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung

 - Vị trí việc làm Kế toán

 - Vị trí việc làm Văn thư

 - Vị trí việc làm Thiết bị

 - Vị trì làm Thư viện

 - Vị trí nhân viên y tế học đường

 d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ

 - Vị trí nhân viên bảo vệ

 - Vị trí nhân viên phục vụ

 Danh mục VTVL và ngạch viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị được thể hiện theo **Phụ** **lục IV** đính kèm

**2. Mô tả công việc của từng vị trí việc làm**

Bảng mô tả công việc của từng vị trí việc làm tại đơn vị tổng hợp tại **Phụ lục V** đính kèm.

**3. Khung năng lực của từng vị trí việc làm**

Khung năng lực của từng vị trí việc làm tại đơn vị tổng hợp tại **Phụ lục VI** đính kèm.

 **II.** **XÁC ĐỊNH BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC**

 Xác định số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **VỊ TRÍ VIỆC LÀM** | Tên CDNN tối thiểu | Hạng CDNN tối thiểu | Số lượng người làm việc |
| Biên chế cần thiết | Hợp đồng |
| **I** | **Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý** |  |  | **3** |  |
| 1 | Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập  | Giáo viên THCS hạng II | II | 1 |  |
| 2 | Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập | Giáo viên THCS hạng II; Giao viên TH hạng III | II | 2 |  |
| 3 | Cấp trưởng tổ chức cấu thành đơn vị | Giáo viên THCS hạng II; Giáo viên TH hạng III |  |  |  |
| 4 | Cấp phó tổ chức cấu thành đơn vị | Giáo viên THCS hạng II; Giáo viên TH hạng III |  |  |  |
| **II** | **Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành** |  |  | **30** |  |
| 1 | Vị trí  dạy môn Ngữ văn | Giáo viên THCS hạng II | II | 2 |  |
| 2 | Vị trí  dạy môn Lịch sử | Giáo viên THCS hạng III | III | 1 |  |
| 3 | Vị trí  dạy môn  Địa lý | Giáo viên THCS hạng III | III | 1 |  |
| 4 | Vị trí  dạy môn  Anh văn | Giáo viên THCS hạng II | II | 2 |  |
| 5 | Vị trí  dạy môn  giáo dục công dân  | Giáo viên THCS hạng III | III |  |  |
| 6 | Vị trí  dạy môn  Toán | Giáo viên THCS hạng II | II | 2 |  |
| 7 | Vị trí  dạy môn  Vật lý | Giáo viên THCS hạng III | III | 1 |  |
| 8 | Vị trí  dạy môn Hóa học | Giáo viên THCS hạng III | III | 1 |  |
| 9 | Vị trí  dạy môn Sinh  | Giáo viên THCS hạng III | III | 1 |  |
| 10 | Vị trí  dạy môn  công nghệ | Giáo viên THCS hạng III | III |  |  |
| 11 | Vị trí  dạy môn Mỹ thuật  | Giáo viên THCS hạng III | III | 1 |  |
| 12 | Vị trí  dạy môn Âm nhạc  | Giáo viên THCS hạng III | III | 1 |  |
| 13 | Vị trí  dạy môn Thể dục thể thao | Giáo viên THCS hạng III | III | 2 |  |
| 14 | Vị trí  dạy môn  Tin học | Giáo viên THCS hạng III | III | 2 |  |
| 15 | Vị trí  tổng phụ trách  | Giáo viên THCS hạng II | II | 1 |  |
| 16 | Vị trí dạy tiểu học | Giáo viên TH hạng IV | IV | 12 |  |
| **III** | **Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung** |  |  | **5** |  |
| 1 | Vị trí việc làm Kế toán | Kế toán trung cấp  | (06.031) | 1 |  |
| 2 | Vị trí việc làm Văn thư  | Văn thu trung cấp  | (02.008) | 1 |  |
| 3 | Vị trí việc làm Thiết bị | Nhân viên thiết bị | (V.07.07.20) | 1 |  |
| 4 | Vị trì làm Thư viện | Nhân viên Thư viện hạng IV | IV | 1 |  |
| 5 | Vị trí nhân viên y tế học đường | Y sĩ hạng IV | IV | 1 |  |
| **IV** | **Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ** |  |  |  | **2** |
| 1 | Vị trí nhân viên bảo vệ |  |  |  | 1 |
| 2 | Vị trí nhân viên phục vụ |  |  |  | 1 |
|  | **CỘNG** |  |  | **38** | **2** |

**2. Xác định lộ trình biên chế giai đoạn 2022 - 2024**

Để thực hiện chủ trương tinh giản biên chế theo quy định, đảm bảo thực hiện khối lượng công việc theo từng vị trí việc làm của đơn vị; trên cơ sở thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao và đảm bảo kế hoạch phát triển của đơn vị những năm đến, cũng như thực hiện chế độ chính sách cho người lao động, nhất là công tác quy hoạch, bổ nhiệm…;

Đơn vị xác định số lượng người làm việc cần thiết gắn với vị trí việc làm lộ trình từ năm 2022 đến 2024 như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tổ chức cấu thành đơn vị** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Năm 2024** |
| Số lượng vị trí việc làm | Số lượng người làm việc | Biên chế cần thiết | Số lượng vị trí việc làm | Số lượng người làm việc | Biên chế cần thiết | Số lượng vị trí việc làm | Số lượng người làm việc | Biên chế cần thiết |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9* | *(10)* | *(11)* |
| **I** | **Lãnh đạo** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 2 | Phó Hiệu trưởng | 1 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 |
| **II** | **Tổ chức cấu thành đơn vị** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **2** | **3** | **3** | **2** | **3** | **3** | **2** | **3** | **3** |

 **III. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

 1. Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng I hoặc tương đương (nếu có) 0 người, 0 % tổng số viên chức theo vị trí việc làm của đơn vị;

 2. Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II hoặc tương đương (nếu có) 10 người, 25 % tổng số viên chức theo vị trí việc làm của đơn vị;

 3. Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng III hoặc tương đương (nếu có) 11 người, 27,5 % tổng số viên chức theo vị trí việc làm của đơn vị;

 4. Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng IV hoặc tương đương (nếu có) 14 người, 35 % tổng số viên chức theo vị trí việc làm của đơn vị;

 5. Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng V hoặc tương đương (nếu có) 0 người, 0 % tổng số viên chức theo vị trí việc làm của đơn vị;

 6. Chức danh khác: 5 người, 12,5 % tổng số viên chức theo vị trí việc làm của đơn vị.

 **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1. Với Ủy ban nhân dân tỉnh:**

 Bố trí đủ biên chế theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người việc làm trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập ở các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

**2. Với Ủy ban Nhân huyện:**

- Thẩm định đề án vị trí việc làm của trường PTDTBT TH&THCS Long Túc để trường có kế hoạch sử dụng viên chức theo đề án việc làm đã xây dựng;

 - Bố trí đủ biên chế theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người việc làm theo tình hình thực tế của nhà trường về số lượng người làm việc tại đơn vị trường PTDTBT TH&THCS Long Túc.

**Thủ trưởng cơ quan phê duyệt Đề án Thủ trưởng đơn vị xây dựng Đề án**